

Bản án số: **54/2023/DS-ST**

Ngày: 28-4-2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒNG ĐA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Lung

Bà Nguyễn Minh Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa Hà Nội tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 170/2022/TLST-DS ngày 01/11/2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.N.T.V**; Trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông N.C.D – Chủ tịch HĐQT; Đại diện theo ủy quyền: Bà L.T.T (Văn bản ủy quyền số 966/2022/UQ-TTKHCNMB).

- **Bị đơn: Anh N.D.C**, sinh năm 1980; HKTT: Lâm Trường, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội **và chị C.T.T.H**, sinh năm 1981; HKTT: 16A ngõ 318 Đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; Cùng trú tại: 16A ngõ 318 Đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà N.T.H, sinh năm 1952 và ông C.V.V, sinh năm 1948 (Vắng mặt).

2. Anh C.H.N; chị H.T.H; cháu C.H.T (cháu Thành do anh N và chị H là đại diện)

-Vắng mặt.

3. Cháu N.D.K và N.D.M (do anh C và chị H là đại diện) - Có mặt.

Cùng địa chỉ: 16A ngõ 318 Đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần V.N.T.V trình bày:**

Ngày 16/01/2015, Ngân hàng TMCP V.N.T.V và anh N.D.C, chị C.T.T.H ký hợp đồng tín dụng số 2643282. Nội dung hợp đồng:

- Số tiền vay: 500.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình.
- Lãi suất: 7.99%/năm trong vòng 3 tháng đầu kể từ ngày giải ngân. Sau đó được điều chỉnh 03 tháng/ lần, bằng lãi suất huy động kỳ hạn thấp nhất 12 tháng + biên độ 4,5%/năm.
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngoài ra, Ngân hàng TMCP V.N.T.V và anh N.D.C ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6079835. Nội dung hợp đồng:

- Số tiền vay: 53.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 36 tháng
- Mục đích sử dụng: mua sắm dụng cụ gia đình.
- Lãi suất: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 20%/năm, Mức lãi suất này được điều chỉnh 3 tháng/lần, mức điều chỉnh được xác định bằng: lãi suất bán vốn tương ứng với kỳ hạn khoản vay của bên vay mà Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ điều chỉnh 12%.
- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 15/7/2015, anh N.D.C có ký Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế: Hạn mức đề nghị 40.000.000 đồng.

Biện pháp bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: bà N.T.H và ông C.V.V đã thế chấp tài sản của ông bà là căn hộ số 202, tầng 2, địa chỉ: 16A ngõ 318 Đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 438031, số QĐ cấp 1975/2005/QĐ-UB do UBND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/7/2005) cho Ngân hàng TMCP V.N.T.V theo Hợp đồng thế chấp số 226/2015; Quyền số 01-2015 ngày 16 tháng 01 năm 2015 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP V.N.T.V đã giải ngân cho anh N.D.C và chị C.T.T.H Hà 500.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 2643282 ngày 26/01/2015 và 53.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6079835. Ngoài ra, anh C còn tiêu dùng tiền tại thẻ tín dụng đã mở tại Ngân hàng. Tính đến ngày 06/3/2023, anh C và chị H đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền: 804.385.399 đồng. Trong đó: trả nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 2643282 và hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6079835 là 195.145.532 đồng; trả lãi theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên là 147.968.356 đồng. Trả nợ thẻ tín dụng: 461.271.511 đồng.

Kể từ ngày 15/12/2017, anh N.D.C và chị C.T.T.H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến ngày 06/3/2023, anh N.D.C và chị C.T.T.H còn nợ Ngân hàng TMCP V.N.T.V tổng số tiền: 978.928.582 đồng. Trong đó: nợ gốc: 392.894.911 đồng; lãi trong hạn: 8.340.748 đồng; lãi quá hạn: 487.303.151 đồng; phạt chậm trả: 90.389.773 đồng.

Ngân hàng TMCP V.N.T.V yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc anh N.D.C và chị C.T.T.H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V.N.T.V toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Tạm tính đến ngày 06/3/2023, số tiền này là: 978.928.582 đồng. Trong đó: nợ gốc: 392.894.911 đồng; lãi trong hạn: 8.340.748 đồng; lãi quá hạn: 487.303.151 đồng; phạt chậm trả: 90.389.773 đồng.

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo cho đến ngày anh N.D.C và chị C.T.T.H thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.N.T.V.

3. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V.N.T.V, Ngân hàng TMCP V.N.T.V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sở hữu căn hộ số 202, tầng 2, địa chỉ: 16A ngõ 318 Đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 438031, số QĐ cấp 1975/2005/QĐ-UB do UBND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/7/2005) theo Hợp đồng thế chấp số 226/2015; Quyền số 01-2015 ngày 16 tháng 01 năm 2015 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô để thu hồi nợ.

***Tại bản tự khai và các văn bản làm việc tiếp theo tại Tòa, anh N.D.C trình bày:**

Anh C xác nhận anh và chị C.T.T.H có ký với Ngân hàng TMCP V.N.T.V hợp đồng tín dụng số 2643282. Ngoài ra, anh C có ký thêm với Ngân hàng TMCP V.N.T.V hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6079835 và giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng.

Anh C xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP V.N.T.V tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/3/2023 số tiền là: 978.928.582 đồng. Trong đó: nợ gốc: 392.894.911 đồng; lãi trong hạn: 8.340.748 đồng; lãi quá hạn: 487.303.151 đồng; phạt chậm trả: 90.389.773 đồng.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh C đề nghị Ngân hàng cho gia đình anh thêm thời gian để trả nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với phần phạt chậm trả lãi. Đối với các yêu cầu khác, nguyên đơn giữ nguyên. Cụ thể:

1. Buộc anh phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V.N.T.V toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Tạm tính đến ngày 28/4/2023, số tiền này là: 908.613.412 đồng. Trong đó: nợ gốc: 392.894.911 đồng; lãi trong hạn: 8.340.748 đồng; lãi quá hạn: 507.377.753 đồng.

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo kể từ ngày 29/4/2023 cho đến ngày anh N.D.C và chị C.T.T.H thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.N.T.V.

3. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V.N.T.V, Ngân hàng TMCP V.N.T.V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sở hữu căn hộ số 202, tầng 2, địa chỉ: 16A ngõ 318 Đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 438031, số QĐ cấp 1975/2005/QĐ-UB do UBND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/7/2005) theo Hợp đồng thế chấp số 226/2015; Quyền số 01-2015 ngày 16 tháng 01 năm 2015 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô để thu hồi nợ.

Bị đơn (anh N.D.C và chị C.T.T.H) xác nhận có ký các hợp đồng tín dụng số 2643282, hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6079835 và giấy đề nghị phát

hành thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP V.N.T.V. Đối với tổng số tiền còn nợ mà Ngân hàng cung cấp, bị đơn xác nhận nợ và không có ý kiến. Bị đơn đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho anh chị miễn giảm một phần lãi để anh chị có thể thu xếp trả toàn bộ khoản nợ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

*** Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên Tòa có ý kiến:**

Về tố tụng: Quá trình Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi đưa quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 317, 318, khoản 6 Điều 320, 357, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 21, 26, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326; Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V.N.T.V đối với anh C và chị H. Buộc anh C và chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký, tổng số tiền tính đến ngày 28/4/2023 là: 908.613.412 đồng. Trong đó: nợ gốc: 392.894.911 đồng; lãi trong hạn: 8.340.748 đồng; lãi quá hạn: 507.377.753 đồng. Anh C và chị H tiếp tục phải trả lãi cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp anh C và chị H không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên tài sản thế chấp để xử lý theo quy định của pháp luật; Đình chỉ yêu cầu buộc anh C và chị H phải trả số tiền phạt chậm trả lãi.

Án phí: Anh C và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp xuất phát từ hợp đồng dân sự về việc yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng giữa một bên là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, xác định vụ án dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Thẩm quyền: Trước, tại thời điểm thụ lý vụ án và cho đến nay anh C có hộ khẩu thường trú tại Lâm Trường, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội và chị H có hộ khẩu thường trú tại 16A ngõ 318 Đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Hiện tại, cả anh C và chị H đều đang cư trú tại số 16A ngõ 318 Đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng thẩm quyền.

- Quyền khởi kiện: Theo Hợp đồng tín dụng số 2643282 ngày 16/01/2015 các bên thoả thuận về thời hạn vay là 102 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên tức

ngày 26/01/2015 đến ngày 26/6/2024; Khi anh C và chị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở yêu cầu anh C và chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, nhưng do khó khăn nên anh C và chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Điều 6 các bên thỏa thuận: Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ gốc, kỳ trả nợ lãi theo thỏa thuận... Ngoài ra, tại điểm g Điều 6 của hợp đồng nêu trên cũng như tại các hợp đồng tín dụng khác mà anh C ký với Ngân hàng đều có quy định: Trường hợp bên vay có nhiều khoản vay, khoản tín dụng khác tại Bên Ngân hàng, thì nếu có bất kỳ hợp đồng tín dụng, khoản tín dụng nào phát sinh nợ quá hạn hoặc phải trả nợ trước hạn, thì Hợp đồng này có thể chưa đến hạn nhưng cũng được coi là đến hạn... Căn cứ Điều 4, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự, Ngân hàng TMCP V.N.T.V khởi kiện anh C và chị H là đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Thủ tục tổng đạt: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập đương sự đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự nhưng bị đơn là chị C.T.T.H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, xác định: Ngày 16/01/2015, Ngân hàng TMCP V.N.T.V và anh N.D.C, chị C.T.T.H đã ký hợp đồng tín dụng số 2643282. Ngoài ra, Ngân hàng TMCP V.N.T.V và anh N.D.C còn ký hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 6079835 và Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế: Hạn mức đề nghị 40.000.000 đồng.

Xét thấy: Việc ký hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ trên cơ sở tự nguyện; Hình thức, nội dung của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 385, 398, 463, 465 Bộ luật dân sự; do đó, các thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực, các bên có quyền, nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 6079835 và Giấy đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do anh N.D.C ký: anh C trình bày số tiền vay từ hai hợp đồng này được sử dụng để tiêu dùng cho gia đình anh C và chị H. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, xác định đây là khoản nợ chung vợ chồng và chị H phải chịu trách nhiệm liên đới đối với các hợp đồng do anh C ký với Ngân hàng TMCP V.N.T.V.

2.2. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng:

Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi ký các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp; Ngân hàng TMCP V.N.T.V đã giải ngân cho anh C và chị H số tiền 500.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 2643282 ngày 26/01/2015 và 53.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 6079835. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh C và chị H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền: 343.113.888 đồng, trong đó: thu vào nợ gốc: 195.145.532 đồng; thu vào nợ lãi: 147.968.356 đồng.

Ngoài ra, anh C còn sử dụng thẻ tín dụng mở tại Ngân hàng. Tổng số tiền anh C đã trả nợ thẻ tín dụng là 461.271.511 đồng.

Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh N.D.C, chị C.T.T.H Hà còn nợ Ngân hàng số tiền gốc: 392.894.911 đồng. Trong đó: hợp đồng tín dụng số 2643282 là 333.333.360 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6079835 là 24.521.108 đồng; nợ thẻ tín dụng là 35.040.443 đồng.

Căn cứ Điều 280, 281, 466 Bộ luật Dân sự, N.D.C, chị C.T.T.H phải trả Ngân hàng TMCP V.N.T.V số tiền nợ gốc nêu trên. Vì vậy, yêu cầu buộc anh C và chị H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 392.894.911 đồng là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

2.3. Xét yêu cầu thanh toán nợ lãi, lãi phạt theo các Hợp đồng tín dụng:

Theo các hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng TMCP V.N.T.V và anh N.D.C, chị C.T.T.H, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay như sau:

Hợp đồng tín dụng số 2643282 ngày 16/01/2015 và Khế ước nhận nợ số 2643282 ngày 26/01/2015: Lãi suất cho vay 7.99%/năm trong vòng 3 tháng đầu kể từ ngày giải ngân. Sau đó được điều chỉnh 03 tháng/ lần, bằng lãi suất huy động kỳ hạn thấp nhất 12 tháng + biên độ 4,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6079835: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 20%/năm, Mức lãi suất này được điều chỉnh 3 tháng/lần, mức điều chỉnh được xác định bằng: lãi suất bán vốn tương ứng với kỳ hạn khoản vay của bên vay mà Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ điều chỉnh 12%.; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Thẻ tín dụng: Lãi suất cho vay của Ngân hàng đối với Chủ thẻ thông qua việc phát hành và sử dụng Thẻ áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do Ngân hàng quy định tại từng thời kỳ.

Hội đồng xét xử nhận định: Thỏa thuận về mức lãi suất Ngân hàng TMCP V.N.T.V áp dụng đối với anh C và chị H tại các Hợp đồng tín dụng là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên; phù hợp với các Quyết định điều chỉnh mức lãi suất tiết kiệm của Ngân hàng TMCP V.N.T.V; Điều 280, 281, 357, 418, 466, 468 Bộ luật dân sự; phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017; nên yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận. Buộc anh C và chị H phải trả tổng số tiền nợ lãi chưa trả tính đến ngày 28/4/2023 là 515.718.501 đồng.

Đối với phạt chậm trả lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu phạt chậm trả lãi. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Đình chỉ đối với yêu cầu buộc anh C và chị H phải trả cho Ngân hàng TMCP V.N.T.V số tiền phạt chậm trả lãi.

Ngoài ra, anh C và chị H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 29/4/2023 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

2.4. Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP V.N.T.V đối với việc xử lý tài sản thế chấp khi anh C và chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán:

Theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 16/01/2015 số công chứng 226/2015, quyển số 01-2015 được ký giữa ông C.V.V, bà N.T.H và Ngân hàng TMCP V.N.T.V: ông V và bà H đồng ý thế chấp tài sản là căn hộ chung cư số 201 – tầng 2, diện tích sử dụng: 37,1 m² là tài sản gắn liền với thửa đất tại địa chỉ nhà K10 Yên Lãng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 438031, số QĐ cấp: 1975/2005/QĐ-UB, do UBND quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/7/2005.

Xét nội dung, hình thức Hợp đồng thế chấp: Các bên xác nhận việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên. Hợp đồng được công chứng theo đúng quy định của pháp luật, các bên có quyền, nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng; hình thức, các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp phù hợp quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 116, 117, 118, 119, 298, 317, 318, 319, 320 Bộ luật dân sự; Nghị định số 163 ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012 ngày 22/02/2012 của Chính phủ; Xác định nội dung Hợp đồng thế chấp số công chứng 226/2015, quyển số 01-2015 ngày 16/01/2015 có hiệu lực pháp luật; các bên có quyền và nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản đảm bảo là căn hộ chung cư số 201 – tầng 2, diện tích sử dụng: 37,1 m² gắn liền với thửa đất tại địa chỉ nhà K10 Yên Lãng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 438031, số QĐ cấp: 1975/2005/QĐ-UB, do UBND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/7/2005 trong trường hợp anh C và chị H không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến Tòa thực hiện quyền nghĩa vụ tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, không tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có căn cứ để xem xét. Do đó, Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án tại phiên tòa phù hợp với các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3]. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP V.N.T.V nguyên nộp chi phí xem xét thẩm định và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP V.N.T.V.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP V.N.T.V được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP V.N.T.V không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V.N.T.V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh N.D.C và chị C.T.T.H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 116, 117, 118, 119, 280, 281, 298, 317, 318, 319, 320, 357, 418, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 12, Điều 50, Điều 56, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.
- Điều 27, 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điều 12, 18, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.
- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”.
- Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.N.T.V đối với anh N.D.C và chị C.T.T.H về việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo các Hợp đồng tín dụng số 2643282 ngày 16/01/2015 và Khế ước nhận nợ số 2643282 ngày 26/01/2015; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6079835; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

2. Xác nhận tính đến ngày 28/4/2023, anh N.D.C và chị C.T.T.H còn nợ Ngân hàng TMCP V.N.T.V tổng số tiền: 908.613.412 đồng. Trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 2643282 ngày 16/01/2015: nợ gốc 333.333.360 đồng; lãi trong hạn: 7.448.049 đồng; lãi quá hạn: 279.033.133 đồng.

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 6079835: nợ gốc: 24.521.108 đồng; lãi trong hạn: 892.699 đồng; lãi quá hạn: 37.698.971 đồng.

- Nợ thẻ tín dụng: nợ gốc: 35.040.443 đồng; lãi quá hạn: 190.645.649 đồng.

Buộc anh N.D.C và chị C.T.T.H Hà phải trả Ngân hàng TMCP V.N.T.V tổng số tiền 908.613.412 đồng.

3. Buộc anh N.D.C và chị C.T.T.H Hà tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 29/4/2023 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu buộc anh N.D.C và chị C.T.T.H phải trả cho Ngân hàng TMCP V.N.T.V số tiền phạt chậm trả lãi.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, anh N.D.C và chị C.T.T.H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP V.N.T.V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại xử lý tài sản thế chấp là căn hộ chung cư số 201 – tầng 2, diện tích sử dụng: 37,1 m² gắn liền với thửa đất tại địa chỉ nhà K10 Yên Lãng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 438031, số QĐ cấp: 1975/2005/QĐ-UB, do UBND quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/7/2005 cho ông C.V.V và bà N.T.H; theo Hợp đồng thế chấp căn hộ chung cư để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 16/01/2015, số công chứng 226/2015, quyền số 01-2015 để thu hồi nợ.

Khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền buộc các tổ chức, cá nhân hiện đang chiếm hữu, sử dụng tại căn hộ chung cư số 201 – tầng 2, địa chỉ nhà K10 Yên Lãng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (nay là Số 16A ngõ 318 Đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội) phải di dời khỏi nhà đất nêu trên để đảm bảo việc thi hành án.

* Án phí: Anh N.D.C và chị C.T.T.H phải chịu 39.258.402 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V.N.T.V số tiền tạm ứng án phí 19.491.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0070886 ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Ngân hàng TMCP V.N.T.V, anh N.D.C, chị C.T.T.H, cháu N.D.K và N.D.M (do anh C và chị H đại diện) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông C.V.V, bà N.T.H, anh C.H.N, chị H.T.H, cháu C.H.T (do anh N và chị H đại diện) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Tú